

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-PT  
Ngày 12-01-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2020/TLPT-DS ngày 18/11/2020 về “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 302/2020/QĐ-PT ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Bào Tấn Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà 147/41D Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 122, ấp Xẻo Môn, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

**2. Bị đơn:** Bà Lê Chung T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 152B, Tổ 19, ấp Bình Thành, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Hoàng Minh T - Văn phòng Luật sư Thuận Hoàng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Bào Tấn Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Bào Tấn Đ trình bày:*

Ngày 14/6/2018, bà T cho biết gia đình bà có phần đất ở Hóc Môn nhưng không có giấy tờ rõ ràng, bà T đưa cho ông bản đồ thửa đất diện tích 19.525,6m<sup>2</sup>, bà T cho rằng cha bà là ông Lê Hữu Tâm có diện tích lớn hơn diện tích này nhưng giấy tờ không thể hiện. Bà T giao cho ông liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đăng ký bồi thường đối với phần đất này (19.525,6m<sup>2</sup>). Sau khi đăng ký 19.525,6m<sup>2</sup> là của ông Tâm thì ông nhận 30% số đất trên. Nếu phần 19.525,6m<sup>2</sup> đất nhà nước bồi thường bằng tiền mặt thì ông cũng được nhận 30% tổng số tiền thu được. Ông đã tìm được phần diện tích đất lớn hơn là 40.308,8m<sup>2</sup>.

Ngày 17/7/2018, ông và bà T đã đến Ủy ban nhân dân Phường 3 thành phố B làm giấy ủy quyền. Sau đó ông đã thực hiện công việc như sau: Ông đến Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, làm đơn kiến nghị cho bà T và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng có văn bản số 58/BBT ngày 19/02/2019 nội dung Công ty TNHH Đô thị đại học Quốc tế xin tiếp tục thực hiện dự án, ông có làm tờ tự khai kê khai tài sản của ông Tâm (phần này chưa giải quyết bồi thường); sau đó, ông đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi về dự án và Sở có Văn bản 5973/SKHĐT-ĐKĐT ngày 31/7/2019 trả lời nội dung là Công ty đang phối hợp với các ngành để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án. Ông đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản 2233/UBND-DA ngày 05/6/2019 nội dung đơn vị đầu tư phải hoàn thành chi trả bồi thường, giải quyết các khó khăn vướng mắc, hoàn thành công tác bồi thường trước ngày 15/6/2021. Ông vẫn thường xuyên liên lạc với Ban Quản lý dự án. Hiện nay, vẫn chưa có văn bản nào công nhận phần đất trên cho ông Lê Hữu Tâm. Ông đã nhận của bà T 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng vào khoảng tháng 02/2020 là tiền do bà T chuyển nhượng phần đất 19.525,6m<sup>2</sup> (chuyển nhượng trước khi có văn bản công nhận). Ông chưa thực hiện xong hợp đồng vì có phát sinh một thỏa thuận khác nhưng không có văn bản (thỏa thuận qua điện thoại). Khi bà T chuyển nhượng đất ông có hỏi, bà T nói vẫn tính như thỏa thuận trước đó. Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T phải trả cho ông số tiền là 520.000.000 (Năm trăm hai mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ông không đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền và không đồng ý trả lại 500.000.000 đồng như bà T yêu cầu vì bà T có liên lạc với ông và cho rằng cần tiền nên chuyển nhượng một phần, ông cũng đồng ý. Phần tiền 500.000.000 đồng là do ông Thu nhận và chia ra.

*Theo đơn phản tố và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Chung T trình bày:*

Bà có lập văn bản ủy quyền cho ông Đ thực hiện việc làm giấy tờ đất của cha bà (ông Lê Hữu Tâm) để được cấp giấy chứng nhận phần đất có diện tích khoảng 40.000m<sup>2</sup> và bà đưa cho ông Đ bản đồ thửa đất cũng như đơn xin trích lục hồ sơ. Ông Đ yêu cầu bà làm ủy quyền cho ông Đ nên bà có làm ủy quyền cho ông Đ vào ngày 17/7/2018 nhưng ông Đ chưa làm được gì cho bà theo thỏa thuận. Phần đất 19.525,6m<sup>2</sup> bà không có chuyển nhượng mà chỉ ủy quyền cho người khác. Ông Đ chưa cung cấp cho bà văn bản nào xác nhận phần đất của cha bà tại

xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng tháng 02/2020 bà đã giao cho ông Đ số tiền là 500.000.000 đồng vì ông Đ kêu bà chuyển nhượng trước và giao cho ông Đ một số tiền để đi lại. Ngoài ra, bà không có thỏa thuận nào khác với ông Đ, lời ông Đ trình bày là không đúng. Số tiền 500.000.000 đồng bà đưa ông Đ là để ông Đ tiếp tục thực hiện việc ủy quyền đối với phần đất còn lại. Văn bản thỏa thuận ngày 14/6/2018, giữa bà T và ông Đ không có chữ ký của ông Đ nên không ràng buộc nghĩa vụ của bà. Giấy ủy quyền ngày 17/7/2018, không có thỏa thuận thù lao nên các bên có quyền hủy thỏa thuận bất cứ lúc nào. Do đó, bà yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền và văn bản thỏa thuận với ông Đ đồng thời ông Đ phải hoàn trả lại cho bà số tiền 500.000.000 đồng, bà không yêu cầu lãi suất.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 562; 563; 565; 566; 567; 568; 569; 468; Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bào Tấn Đ về việc yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền 520.000.000 (Năm trăm hai mươi triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Chung T; cụ thể tuyên:

Hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 17/7/2018 và Văn bản thỏa thuận ngày 16/4/2018 giữa bà Lê Chung T và ông Bào Tấn Đ.

Ông Bào Tấn Đ phải trả cho bà Lê Chung T số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, nguyên đơn ông Bào Tấn Đ kháng cáo toàn bộ bản án, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Ngày 13/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị một phần bản án sơ thẩm nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T về việc yêu cầu ông Đ trả lại số tiền 500 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đ thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, ông Đ trình bày: Bà T thừa nhận có thỏa thuận ủy quyền quyền sử dụng đất với giá 3,4 tỷ đồng. Bà T cho rằng ông không làm được gì theo thỏa thuận nhưng ông đã liên hệ với các cơ quan chức năng và chỉ còn chờ thêm thời gian để hoàn thành công việc. Theo nghĩa vụ giữa các bên đã giao kết thì bà T

đã giao cho ông 500 triệu đồng và còn thiếu lại ông 520 triệu đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, buộc bà T tiếp tục trả cho ông 520 triệu đồng, ông không yêu cầu tính lãi và đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền với bà T. Đối với việc đơn xin xét xử vắng mặt của ông được phát triển không phải lỗi của ông nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

Bị đơn bà T không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Ông Đ thừa nhận chưa thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng nên căn cứ Điều 425 Bộ luật Dân sự có cơ sở hủy bỏ hợp đồng do không có khả năng thực hiện. Đồng thời, căn cứ Điều 427, 520 Bộ luật Dân sự quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền nên bị đơn yêu cầu tuyên hủy văn bản thỏa thuận ngày 14/6/2018. Hơn nữa, văn bản ủy quyền ngày 14/6/2018 cũng không có chữ ký của ông Đ nên không phát sinh hiệu lực đối với ông Đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông Đ đã liên hệ và nhận được các văn bản trả lời của các cơ quan có thẩm quyền về phần đất của ông Tâm; giữa ông Đ và bà T không có thỏa thuận khác về chi phí đi lại nên số tiền 500 triệu đồng là tiền bà T trả cho ông Đ theo thỏa thuận ngày 14/6/2018 như nội dung kháng nghị là có căn cứ. Tuy nhiên, do ông Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, việc đơn yêu cầu xét xử vắng mặt được chuyển phát triển không phải lỗi của ông nhưng cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 13 triệu đồng đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Bào Tấn Đ, kháng nghị của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sáng ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố B mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng ủy quyền giữa nguyên đơn ông Bào Tấn Đ với bị đơn bà Lê Chung T, trước đó phiên tòa lần đầu được mở vào ngày 22/9/2020 nhưng đã hoãn phiên tòa do ông Đ vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 30/9/2020, nguyên đơn ông Đ vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu do ông Đ nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, vào ngày 27/09/2020 (theo dấu Bưu cục

Ngã Bảy), ông Đ có gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố B cũng nhận được đơn yêu cầu của ông Đ nhưng nhận vào lúc 14 giờ 40 phút, ngày 30/9/2020. Như vậy, ông Đ đã có nguyện vọng được xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/9/2020 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Đ đã gửi đơn theo đường bưu điện với hình thức chuyển phát nhanh, có đóng dấu bưu cục nơi gửi vào ngày 27/9/2020. Việc Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đến muộn so với thời gian mở phiên tòa không phải do lỗi của ông Đ, cũng không phải lỗi của cấp sơ thẩm. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đ đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của ông Đ nên hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung. Do bản án bị hủy về tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung vụ án.

[2] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên ông Bào Tấn Đ không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền” giữa nguyên đơn ông Bào Tấn Đ với bị đơn bà Lê Chung T, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Bào Tấn Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003489 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**